

Cập nhật nội dung Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy môn học Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý

Ngày nhận bài: 09/05/2022 | Ngày phản biện: 09/05/2022 | Ngày xuất bản: 31/05/2022

Tác giả: Đỗ Văn Quân

Tóm tắt: Đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy, học tập ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố là nhiệm vụ chính trị quan trọng, giúp người học cập nhật quan điểm, chủ trương của Đảng và vận dụng vào thực tiễn công tác. Bài viết phân tích một số nội dung trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng từ góc độ tiếp cận môn học xã hội học trong lãnh đạo, quản lý, từ đó đưa ra một số gợi mở trong việc cập nhật những nội dung này vào xây dựng giáo trình và giảng dạy môn học.

1. Một số quan điểm, chủ trương trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng từ góc độ tiếp cận môn Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý

Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý là 1 trong 19 môn khoa học thuộc chương trình đào tạo cao cấp lý luận chính trị, gồm 6 chuyên đề: Khái quát về xã hội học trong lãnh đạo, quản lý; Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội; Dư luận xã hội và truyền thông; Dân số và phát triển; Chính sách xã hội; Quản lý phát triển xã hội⁽¹⁾.

Thực hiện chủ trương của Học viện, Giáo trình môn học đã cập nhật khá đầy đủ các quan điểm trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng từ góc độ tiếp cận môn học Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý. Tuy nhiên, do giới hạn khuôn khổ nên giáo trình chưa hệ thống hóa và phân tích một cách logic, đầy đủ một số điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cần vận dụng trong xây dựng nội dung các bài giảng của môn học. Trên cơ sở phân tích các quan điểm, chủ trương của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII, bài viết nêu một số điểm cần quán triệt vào từng chuyên đề giảng dạy của môn học.

Chuyên đề 1: Khái quát xã hội học trong lãnh đạo, quản lý

Đại hội khẳng định cần: chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ⁽²⁾ và phải: tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn, trong đó trước hết là quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển⁽³⁾.

Đại hội thừa nhận những bất cập, cũng như sự cần thiết phải phát huy vai trò khoa học và công nghệ đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Đó là chưa gắn kết giữa khoa học tự nhiên, khoa học - công nghệ và khoa học xã hội - nhân văn, khoa học lý luận chính trị để phục vụ phát triển nhanh bền vững của đất nước⁽⁴⁾. Do đó, cần chú trọng phát triển đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị⁽⁵⁾.

Đại hội XIII thẳng thắn thừa nhận: thụ hưởng của người dân từ thành tựu phát triển của đất nước chưa hài hòa⁽⁶⁾. Vì vậy, Đại hội nhấn mạnh: đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước⁽⁷⁾. Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm lấy "dân là gốc"; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm "dân biết dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN⁽⁸⁾.

Chuyên đề 2: Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội

Trên tinh thần nhìn thẳng và đánh giá đúng sự thật, Đại hội XIII đã chỉ ra những bất cập: chưa có giải pháp hữu hiệu để xử lý vấn đề phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng về thu nhập, kiểm soát và xử lý các mâu thuẫn, xung đột xã hội⁽⁹⁾. Chênh lệch giàu nghèo có xu hướng gia tăng, đời sống của một bộ phận người dân còn gặp khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị thiên tai; khoảng cách phát triển

giữa các địa phương, vùng, miền còn khá lớn⁽¹⁰⁾.

Đại hội XIII xác định vai trò quan trọng của vấn đề cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội trong quá trình hoạch định và thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, nhằm phát triển đất nước theo định hướng XHCN. Đó là: trên cơ sở dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội ở nước ta trong những năm tới, xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp, giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân⁽¹¹⁾. Đồng thời, Đại hội XIII khẳng định: giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích giữa các giai tầng xã hội⁽¹²⁾. Đặc biệt là khơi dậy ý chí chủ động vươn lên thoát nghèo; hạn chế bất bình đẳng xã hội. Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, phát triển mạnh tầng lớp trung lưu gắn với trách nhiệm xã hội⁽¹³⁾.

Chuyên đề 3: Dư luận xã hội và truyền thông

Đại hội XIII đã khẳng định những thành công căn bản, có ý nghĩa quan trọng trong việc xử lý mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân trên nền tảng phát huy vai trò môi trường dư luận xã hội và truyền thông. Đó là: người đứng đầu ở nhiều cấp ủy đảng, chính quyền đã tăng cường tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe, tiếp thu, giải quyết những bức xúc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân⁽¹⁴⁾.

Đại hội XIII chỉ ra những bất cập của dư luận xã hội và truyền thông trong hoạt động lãnh đạo, quản lý: hệ thống thông tin đại chúng còn nhiều hạn chế; một số cơ quan báo chí xa rời tôn chỉ và có biểu hiện thương mại hóa; quản lý mạng xã hội còn bất cập⁽¹⁵⁾. Công tác thông tin tuyên truyền một số chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa phong phú, thường xuyên, kịp thời; chưa đáp ứng được sự mong đợi của nhân dân. Công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn các thông tin xấu, độc, quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao; công tác nắm bắt dư luận trước những sự kiện, tình huống bất

ngờ còn chưa kịp thời⁽¹⁶⁾.

Đại hội XIII đã chỉ ra mục tiêu, yêu cầu và giải pháp nhằm phát huy vai trò của dư luận xã hội và truyền thông trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Đó là: dự báo sát, chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng, kịp thời xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội bảo đảm sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội⁽¹⁷⁾. Đồng thời, tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên internet. Kiên quyết loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, phản động, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong mỹ tục⁽¹⁸⁾; nâng cao chất lượng, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin, báo chí, internet, xuất bản; tăng cường năng lực quản lý không gian mạng. Xây dựng các cơ quan báo chí, tổ hợp truyền thông chủ lực đủ mạnh để thực hiện tốt chức năng thông tin, tuyên truyền thiết yếu, làm chủ mặt trận thông tin⁽¹⁹⁾.

Chuyên đề 4: Dân số và phát triển

Đại hội XIII chỉ ra mục tiêu, yêu cầu và giải pháp về việc thực hiện thành công chính sách dân số và phát triển trong bối cảnh mới của đất nước. Đó là: nâng cao chất lượng dân số; tận dụng hiệu quả, cơ hội thuận lợi từ cơ cấu dân số vàng; chủ động thích ứng với xu thế già hóa dân số⁽²⁰⁾. Cụ thể là: xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, phát huy lợi thế dân số vàng, đồng thời chuẩn bị các điều kiện thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh⁽²¹⁾. Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số. Hỗ trợ thỏa đáng để thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài ở các khu vực khó khăn, trọng yếu về quốc phòng, an ninh. Xây dựng, hoàn thiện và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư⁽²²⁾.

Đại hội XIII đặc biệt quan tâm đến vấn đề chất lượng dinh dưỡng và an toàn thực phẩm: Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện hiệu quả các chính sách về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và tầm vóc người Việt Nam, bảo đảm toàn dân đều được quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe. Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em⁽²³⁾.

Đại hội XIII nhấn mạnh mục tiêu: Bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Phát triển hệ thống y tế dành cho người cao tuổi; phấn đấu đến năm 2025 có 95% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung⁽²⁴⁾.

Chuyên đề 5: Chính sách xã hội

Đại hội XIII chỉ ra những bất cập của các vấn đề liên quan đến chính sách xã hội. Đó là: chất lượng dịch vụ y tế, nhất là ở vùng sâu, xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có mặt còn bất cập. Chính sách tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi xã hội có mặt còn hạn chế; thụ hưởng của nhân dân từ thành tựu phát triển của đất nước chưa hài hòa⁽²⁵⁾.

Đại hội XIII tiếp tục thể hiện bước tiến mới trong sự phát triển tư duy lý luận về chính sách xã hội. Đại hội nhấn mạnh vai trò và các mối quan hệ cơ bản, toàn diện: giữa chính sách xã hội và định hướng XHCN; giữa chính sách xã hội với quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Đảng ta khẳng định: nhận thức đầy đủ và đảm bảo định hướng XHCN trong các chính sách xã hội⁽²⁶⁾. Đó là: thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao chất lượng sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam⁽²⁷⁾. Gắn chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội, quan tâm lĩnh vực công tác xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người nhân. Đổi mới cơ chế, huy động phân bổ và đa dạng hóa các

nguồn lực thực hiện chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp dân cư, nhóm xã hội, đảm bảo bình đẳng về cơ hội phát triển, nhất là với lao động phi chính thức⁽²⁸⁾.

Đại hội XIII nhấn mạnh tiếp tục hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả, hiệu lực các chính sách người có công, giảm nghèo đa chiều, bền vững, bao trùm; việc làm bền vững; an sinh xã hội toàn diện. Cụ thể:

Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống trung bình khá trở lên trên địa bàn cư trú. Cân đối ngân sách để tiếp tục thực hiện việc nâng mức trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, giải quyết căn bản chính sách đối với người có công; nâng cấp các công trình đền ơn đáp nghĩa⁽²⁹⁾.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại⁽³⁰⁾. Bảo đảm cung cấp và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là đối với người nghèo, người yếu thế trong xã hội⁽³¹⁾.

Phát triển thị trường lao động, hướng đến việc làm bền vững. Xác lập các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động phù hợp với sự phát triển của thị trường, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đổi mới chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo hướng tăng cường đào tạo và đào tạo lại cho người lao động để tham gia hiệu quả vào thị trường lao động. Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, nâng cao tỷ trọng lao động khu vực chính thức, tập trung giải quyết việc làm cho người lao động khu vực phi chính thức, đặc biệt là lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành, nghề⁽³²⁾; tạo môi trường, điều kiện để phát triển thị trường lao động đồng bộ, linh hoạt, thống nhất, hội nhập và hiệu quả⁽³³⁾.

Phát triển hệ thống chính sách an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp xã hội cho các nhóm đối tượng yếu thế. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản (34).

Chuyên đề 6: Quản lý phát triển xã hội

Lần đầu tiên Đại hội của Đảng xác lập tầm quan trọng đặc biệt của quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh phát triển đất nước, do đó đã dành riêng Mục VIII. Tăng cường quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội.

Đại hội XIII đã thẳng thắn nhìn nhận: quản lý phát triển xã hội và giải quyết một số vấn đề xã hội chưa được quan tâm đúng mức, chưa được kết hợp đồng bộ, chặt chẽ trong quá trình phát triển kinh tế, văn hóa; thể chế quản lý xã hội còn nhiều hạn chế; tình trạng gia tăng tội phạm, tệ nạn, tiêu cực, mâu thuẫn, xung đột xã hội... ở một số nơi chậm được khắc phục, gây bức xúc trong dư luận nhân dân⁽³⁵⁾.

Để góp phần bảo đảm mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển vào giữa thế kỷ XXI theo định hướng XHCN, Đại hội XIII đã nhấn mạnh việc thực hiện có hiệu lực, hiệu quả quản lý phát triển xã hội như là một trong những điều kiện có tính chất quyết định: Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người⁽³⁶⁾; Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội⁽³⁷⁾ cũng như quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội⁽³⁸⁾.

2. Một số gợi mở trong giảng dạy môn Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý

Xã hội học có đối tượng nghiên cứu là các sự kiện xã hội, quan hệ xã hội, biến đổi xã hội,... Trên cơ sở sử dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính cũng như áp dụng các lý thuyết để giải thích một cách hệ thống và khách quan về quy luật hình thành, vận động, biến đổi xã hội; về các mối quan hệ giữa con người và xã hội, các vấn đề xã hội, sự kiện xã hội. Nhu cầu ứng dụng các kết quả nghiên cứu xã hội học vào hoạt động thực tiễn, đặc biệt là hoạt động lãnh đạo, quản lý đang trở thành tất yếu nhằm góp phần bảo đảm chất lượng, hiệu quả và hiệu lực của các hoạt động lãnh đạo, quản lý. Chuyên ngành Xã hội học phải trở thành một công cụ sắc bén, có khả năng đo lường, dự báo được “lòng dân” một cách khoa học, kịp thời và có độ tin cậy cao⁽³⁹⁾.

Xã hội học quan tâm, nhấn mạnh các tính chất tạo nên sức mạnh trong việc nhận thức và cải tạo thực tiễn. Với các đặc trưng: (1) Tính khách quan, lôgic đặt trong bối cảnh xã hội; (2) Tính thực chứng, có độ tin cậy cao khi đưa ra các kết luận nghiên cứu; (3) Tính duy vật biện chứng trong nhận định, đánh giá; (4) Tính lý giải thấu hiểu dựa trên các bối cảnh văn hóa để giải thích, tìm kiếm sự hiểu biết về bản chất của các hiện tượng xã hội; (5) Các phương pháp nghiên cứu hiện đại, liên ngành: quan sát tham dự; quan sát không tham dự; phiếu anket; phiếu phát vấn; thảo luận nhóm tập trung; phỏng vấn sâu; phân tích nội dung tài liệu; phân tích số liệu thống kê; nghiên cứu trường hợp...; (6) Khoa học đề cao tính chỉnh thể, hệ thống, toàn diện, thực chứng về hiện tượng, sự kiện, quá trình xã hội⁽⁴⁰⁾.

Từ những vấn đề nêu trên, để góp phần đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy môn học Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý, cần quan tâm nghiên cứu, phân tích trên một số khía cạnh sau:

Một là, vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay là cần đẩy mạnh nghiên cứu về cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội; đánh giá đúng thực trạng và dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội và giai tầng xã hội ở nước ta trong những năm tới. Đánh giá đúng thực trạng, dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội và giai tầng xã hội, cung cấp cơ sở khoa học thực tiễn cho Đảng trong việc

đề ra đường lối, chủ trương xây dựng và củng cố nền tảng xã hội trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa⁽⁴¹⁾.

Hai là, sự biến đổi cấu trúc kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hội nhập kinh tế... quy định sự biến đổi về hệ thống cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội. Điều này đặt ra yêu cầu dự báo, xây dựng và phát triển một cấu trúc xã hội và phân tầng xã hội phù hợp với mục tiêu định hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam. Đó là, giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và công nghiệp hóa, đô thị hóa; đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong tình hình mới; phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng, chất lượng, có tinh thần cống hiến cho dân tộc. Đồng thời, logic tất yếu của tiến trình này là sự hình thành tầng lớp xã hội trung lưu có vai trò, ảnh hưởng ngày một lớn đối với xã hội. Để trở thành một đất nước công nghiệp phát triển theo định hướng XHCN cần phải xây dựng mô hình phân tầng xã hội dạng “quả trám”; với cấu trúc tầng lớp trung lưu chiếm đa số trong xã hội sẽ bảo đảm cho sự phát triển ổn định, hài hòa và bền vững của một cấu trúc xã hội hiện đại.

Ba là, vấn đề kiểm soát phân tầng xã hội, góp phần bảo đảm định hướng XHCN cần phải đặt trong mối quan hệ tổng thể với quá trình phát triển kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chính sách xã hội... của đất nước. Do đó, phải đẩy mạnh tối đa việc lồng ghép các mục tiêu kiểm soát phân tầng xã hội vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trung và dài hạn của đất nước; bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả trong phát huy vai trò của từng thành phần kinh tế; bảo đảm định hướng XHCN trong từng chính sách xã hội...

Bốn là, dư luận xã hội và truyền thông trong hoạt động lãnh đạo, quản lý cần đồng thời quan tâm, nhấn mạnh và xử lý kịp thời, hiệu quả trên cả hai phương diện: dư luận xã hội và truyền thông với tư cách là đối tượng, nội dung, mục tiêu của hoạt động lãnh đạo, quản lý; và dư luận xã hội, truyền thông với tư cách là phương thức, công cụ, biện pháp của hoạt động lãnh đạo, quản lý. Trình độ dân trí, mức độ công khai, dư luận xã hội, sự đối thoại trực tiếp hoặc thông qua đại diện, qua các phương tiện truyền thông đại chúng và truyền thông xã hội giữa người dân với chính quyền các cấp cũng cho thấy những biến đổi xã hội nhất định trong lĩnh vực này. Đấu tranh phòng ngừa tin giả, hạn chế tác động tiêu cực của tin giả là một nội dung trọng tâm và đặc biệt là trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch⁽⁴²⁾.

Năm là, thực tiễn đòi hỏi quá trình hoạch định và thực hiện chính sách dân số và phát triển của Việt Nam hiện nay theo những định hướng sau: (1) chuyển trọng tâm chính sách dân số, từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, nhằm giải quyết toàn diện các vấn đề dân số cả về quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số; (2) tăng cường lồng ghép biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển, tận dụng lợi thế “cơ cấu dân số vàng” để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; (3) đẩy mạnh thông tin, giáo dục, truyền thông mà trọng tâm là “dân số và phát triển”; (4) kế hoạch hóa gia đình cần hướng tới tạo môi trường thuận lợi, cung cấp thông tin và dịch vụ có chất lượng cho mọi người dân; tập trung nguồn lực đáp ứng nhu cầu về sức khỏe sinh sản; xây dựng hệ thống an sinh xã hội, chuẩn bị đáp ứng các nhu cầu của một xã hội già hóa; (5) tăng cường sự cam kết chính trị, ổn định mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số và phát triển⁽⁴³⁾.

Sáu là, cần tăng cường nghiên cứu khoa học để hoàn thiện tư duy lý luận và lãnh đạo thành công mô hình chính sách xã hội định hướng XHCN. Trong đó, cần tập trung giải quyết các mục tiêu: (1) bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng; (2) trọng tâm của chính sách xã hội là chuyển từ số lượng sang chất lượng; (3) có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với chính sách kinh tế; (4) có tính dự báo xã hội cao, chủ động, phù hợp và thích ứng với bối cảnh biến đổi xã hội; (5) góp phần quan trọng bảo đảm tính định hướng XHCN trong quá trình xây dựng phát triển của đất nước; (6) bảo đảm tính ưu việt, tiến bộ của chính sách xã hội ở Việt Nam so với các nước trên thế giới, kể cả những nước tư bản phát triển; (7) bảo đảm sự cân bằng, đồng thời hướng tới các mục tiêu cốt lõi: tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội và giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội⁽⁴⁴⁾.

Bảy là, quản lý phát triển xã hội đang là vấn đề khá mới mẻ trên cả hai phương diện nghiên cứu khoa học và triển khai trong thực tiễn ở Việt Nam. Hiện nay, đang có ít nhất 2 cách tiếp cận về quản lý phát triển xã hội: (1) nhấn mạnh quản lý phát triển xã hội theo nghĩa rộng, bền vững và tổng thể xã hội; (2) nhấn mạnh quản lý phát triển xã hội theo nghĩa hẹp, chiều cạnh xã hội, vấn đề xã hội. Đồng thời, khi bàn đến quản lý phát triển xã hội, tùy từng bối cảnh có thể nhấn mạnh một hoặc nhiều khía cạnh khác nhau: (1) sự đa dạng của các chủ thể tham gia quản lý phát triển xã hội; (2) tính tổng thể, đồng bộ: khách thể, đối tượng, nội dung quản lý phát triển xã hội; (3) nhiều cấp độ, công cụ, phương tiện tham gia và thúc đẩy quản lý phát triển xã hội; (4) mục tiêu cốt lõi của quản lý phát triển xã hội là nhằm phát triển xã hội: nhanh, hài hòa, bền vững.

Tài liệu tham khảo

(1), (42) Bùi Phương Đình và các cộng sự, Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021.

(2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (18), (19), (20), (21), (23), (25), (26), (27), (28), (29), (30), (31), (32), (33), (34), (35), (36), (37) ĐCSVN (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, T.1, tr.29, 119, 83-84, 140, 86, 51, 27-28, 85, 86, 147-148, 50, 265, 71, 85, 91, 146, 272, 47- 48, 151, 151, 85-86, 147-148, 202, 148, 148-149, 48, 47, 149-150, 48, 150, 85-86, 147, 148.

(17), (22), (24), (38) ĐCSVN (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, T.2, tr.233- 234, 136, 139, 330.

(39), (40) Đỗ Văn Quân, Đổi mới công tác dân vận từ hướng tiếp cận xã hội học, Tạp chí Lý luận chính trị, số 7.2019.

(41) Phạm Xuân Hào, Dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội để xây dựng chính sách và quản lý phù hợp, <http://tuyengiao.vn>; truy cập ngày 25.7.2021.

(43) Đỗ Văn Quân, Chính sách dân số ở Việt Nam: Từ “sinh đẻ có hướng dẫn” đến “dân số và phát triển”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 3.2018.

(44) Đỗ Văn Quân, Tư duy lý luận và sự lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam trong 35 năm đổi mới đất nước, Tạp chí Thông tin lý luận và thực tiễn, tập 1.2021.